

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**DỰ THẢO**

**HỢP ĐỒNG VAY TIỀN**

**Số: .../...../ .....-.....**

- Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/01/2015<sup>1</sup>;
- Căn cứ nhu cầu hai bên;

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại văn phòng trụ sở của Công ty  
....., chúng tôi gồm có:

**BÊN CHO VAY: CÔNG TY .....**

Giấy phép kinh doanh: số ..... do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố  
..... cấp lần đầu ngày ...../...../.....

Địa chỉ: .....

Người đại diện theo pháp luật : ..... Chức danh: .....

**(Sau đây gọi là Bên A)**

**BÊN VAY: CÔNG TY .....**

Giấy phép kinh doanh: số .....do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố .....  
cấp lần đầu ngày ...../...../.....

Địa chỉ: .....

Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức danh: .....

**(Sau đây gọi là Bên B)**

**Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng vay tiền theo các điều khoản sau:**

**Điều 1: Số tiền cho vay - Mục đích sử dụng - Phương thức giải ngân**

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B -vay số tiền: ..... VNĐ

(Bằng chữ: ..... đồng).

1.2. Mục đích cho vay: .....

1.3. Phương thức giải ngân:

- Giải ngân thành nhiều đợt hoặc một đợt.<sup>2</sup>
- Phương thức giải ngân: Chuyển khoản.<sup>3</sup>

**Điều 2: Thời hạn cho vay - Lãi suất cho vay - lãi suất nợ quá hạn**

2.1. Thời hạn cho vay : ..... tháng kể từ ngày giải ngân hoặc nếu bên vay có nhu cầu  
vay tiếp thì hai bên ký Phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian vay.

<sup>1</sup> Trường hợp Nhà nước có sửa đổi, thay thế các văn bản pháp luật ghi tại phần căn cứ hợp đồng này thì sẽ ghi lại theo số, tên văn bản mới đã thay đổi.

<sup>2</sup> Được xác định cụ thể theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm ký Hợp Đồng.

<sup>3</sup> Thông tin tài khoản chi tiết của Bên Vay và Bên Cho Vay sẽ được xác định tại thời điểm ký từng Hợp Đồng cụ thể.

- 2.2. Lãi suất cho vay : .....%/năm.
- 2.3. Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 sẽ được áp dụng cho bất kỳ khoản thanh toán lãi hoặc gốc bị chậm thanh toán và được tính kể từ ngày chậm thanh toán cho tới ngày bên vay hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi hoặc gốc quá hạn đó.

### **Điều 3: Trả nợ gốc và lãi**

- 3.1. Trả nợ gốc: nợ gốc được trả một lần vào ngày cuối cùng của thời hạn cho vay hoặc nhiều lần<sup>4</sup> nhưng ngày trả nợ gốc cuối cùng không quá ngày cuối cùng của thời hạn cho vay quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 (các ngày trả nợ gốc sau đây gọi chung là “**Ngày Trả Nợ Gốc**”), Bên vay được phép trả nợ trước hạn mà không phải chịu bất kỳ 1 khoản phạt trả trước nào.
- 3.2. Trả lãi vay: Lãi được tính bắt đầu từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân của Bên cho vay.
- Tiền lãi vay trả vào ngày cuối cùng của mỗi quý (“**Ngày Trả Lãi**”) và được tính theo công thức sau:
- $$\text{Số tiền lãi phải trả} = \text{Dư nợ tính lãi} \times \text{Lãi suất (\%/năm)} \times \text{Số ngày vay thực tế của quý có Ngày Trả Lãi đó: 365 ngày.}$$
- Trong đó:*
- Dư nợ tính lãi là số tiền nợ gốc mà Bên vay còn nợ (chưa thanh toán cho) Bên cho vay tính tại thời điểm Ngày Trả Lãi.
- Số ngày vay thực tế sẽ được tính từ ngày Bên vay nhận nợ với Bên cho vay hoặc là số ngày kể từ ngày cuối cùng của quý liền trước cho tới (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán lãi của quý có Ngày Trả Lãi.
- 3.3. Nợ gốc và lãi tiền vay được trả bằng đồng Việt Nam.
- 3.4. Trường hợp Ngày Trả Nợ Gốc hoặc Ngày Trả Lãi rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào mà Bên cho vay không làm việc thì ngày làm việc liền sau Ngày Trả Nợ Gốc hoặc Ngày Trả Lãi đó sẽ là ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả.
- 3.5. Hai bên có thể thực hiện bù trừ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đối với các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các giao dịch mua bán khác bao gồm mua bán cổ phần các doanh nghiệp, tài sản, hàng hoá trong danh mục kinh doanh của hai doanh nghiệp.

### **Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay**

- 4.1. Bên cho vay có quyền:
- Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính (nếu có);
  - Từ chối những đề nghị rút vốn không hợp lệ và/hoặc Bên cho vay nhận thấy không phù hợp;
  - Kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhằm đảm bảo an toàn vốn cho vay;
  - Khi khoản vay đến hạn mà Bên vay không chủ động trả nợ thì Bên cho vay có

---

<sup>4</sup> Thời hạn trả nợ gốc nhiều lần và thủ tục thông báo hoặc thống nhất giữa các bên về thời hạn trả nợ gốc sẽ được thỏa thuận cụ thể theo từng Hợp đồng vay.

quyền gửi văn bản đề nghị Bên vay trả nợ và áp dụng lãi suất nợ quá hạn như quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng này.

- Khởi kiện Bên vay vi phạm Hợp đồng vay tiền.

**4.2. Bên cho vay có nghĩa vụ:**

- Thực hiện đúng thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn, nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn và nghĩa vụ cung cấp các tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính (nếu có) theo yêu cầu của Bên cho vay;.
- Lưu trữ hồ sơ vay tiền phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên vay**

**5.1. Bên vay có quyền:**

- a. Từ chối các yêu cầu của Bên cho vay không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.
- b. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng vay tiền theo quy định của pháp luật.
- c. Trong trường hợp Bên vay đã trả một phần khoản vay cho Bên cho vay mà có nhu cầu vay lại thì Bên cho vay có thể giải ngân cho Bên vay để vay lại trong thời hạn của hợp đồng hoặc các phụ lục còn hiệu lực, nhưng đảm bảo tổng dư nợ không vượt quá số tiền quy định tại khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng này.

**5.2. Bên vay có nghĩa vụ**

- a. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu có liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp.
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.
- c. Tạo điều kiện khi Bên cho vay cần kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay.

**Điều 6: Xử lý vi phạm**

- 6.1. Các vi phạm Hợp đồng vay tiền của một trong hai bên sẽ được xử lý theo quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.
- 6.2. Hai bên có quyền khiếu nại, khởi tố, yêu cầu xét xử khi có tranh chấp về việc thực hiện Hợp đồng vay tiền tại Toà án có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

**Điều 7: Điều khoản thi hành**

- 7.1. Hợp đồng vay tiền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ vay (nợ gốc, lãi) và các chi phí có liên quan cho Bên cho vay. Khi Bên vay trả hết nợ vay thì Hợp đồng vay tiền mặc nhiên được thanh lý.
- 7.2. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng vay tiền phải được các bên thoả thuận thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Hợp đồng vay tiền này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau. Bên vay giữ 01 (một) bản, Bên cho vay giữ 01 (một) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

